

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3 - 5
2. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2012	6 - 7
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
5. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Văn phòng Công ty") cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc

3. Các đơn vị trực thuộc và công ty con, liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, toà nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
- Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- | | |
|---|--|
| - Công ty Cổ phần SMC Hà Nội | Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội |
| - Công ty TNHH SMC – SUMMIT | KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu. |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (đã giải thể) | 147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh |

4. Các hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Văn phòng Công ty vào ngày 30/09/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 27.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Văn phòng Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Anh
Chủ tịch
Ngày 20 tháng 10 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		1,361,688,223,853	1,521,941,220,781
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	194,226,112,093	143,157,318,646
1. Tiền	111		194,226,112,093	139,851,651,769
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3,305,666,877
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	8,036,393,949	8,129,860,614
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10,881,067,311	12,476,275,919
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2,844,673,362)	(4,346,415,305)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	1,076,531,108,521	1,119,999,200,193
1. Phải thu khách hàng	131		948,368,224,966	1,057,956,228,546
2. Trả trước cho người bán	132		22,469,050,599	14,727,574,916
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		644,530,364	1,019,503,169
4. Các khoản phải thu khác	135		110,404,766,739	47,815,489,618
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,355,464,147)	(1,519,596,056)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		59,679,152,774	90,159,909,339
1. Hàng tồn kho	141	V.04	61,489,912,598	90,159,909,339
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,810,759,824)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	23,215,456,516	160,494,931,989
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	123,934,272
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15,976,835,422	9,586,928,287
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		7,238,621,094	150,784,069,430
B. Tài sản dài hạn	200		448,210,597,409	375,653,923,398
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		1,409,196,209	1,409,196,209
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		1,409,196,209	1,409,196,209
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		84,970,079,655	78,236,385,003
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	38,176,781,619	33,945,669,401
- Nguyên giá	222		56,796,798,372	48,416,075,644
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18,620,016,753)	(14,470,406,243)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	37,027,127,764	37,124,111,086
- Nguyên giá	228		37,674,961,246	37,674,961,246
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(647,833,482)	(550,850,160)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	9,766,170,272	7,166,604,516
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.09	358,826,236,877	292,062,528,718
1. Đầu tư vào công ty con	251		265,584,000,000	235,584,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		43,390,000,000	1,750,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		79,428,608,421	81,396,618,092
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(29,576,371,544)	(26,668,089,374)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3,005,084,668	3,945,813,468
1. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	3,005,084,668	3,945,813,468
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,809,898,821,262	1,897,595,144,179

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
A. Nợ phải trả	300		1,270,721,644,630	1,369,597,237,985
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310	V.11	1,270,575,274,315	1,369,437,674,070
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		698,266,344,709	546,070,792,133
2. Phải trả người bán	312		470,842,198,613	715,252,480,611
3. Người mua trả tiền trước	313		85,142,050,600	90,847,569,026
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		2,531,769,751	5,959,950,236
5. Phải trả người lao động	315		1,519,420,000	1,592,800,000
6. Chi phí phải trả	316		-	2,071,213,829
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2,928,805,961	2,423,694,860
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9,344,684,681	5,219,173,375
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		146,370,315	159,563,915
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		146,370,315	159,563,915
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.12	539,177,176,632	527,997,906,194
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		539,177,176,632	527,997,906,194
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295,183,610,000	295,183,610,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153,531,767,160	153,531,767,160
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142,489,800)	(142,489,800)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		75,702,980,211	65,997,808,961
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		15,417,791,134	11,861,832,312
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(516,482,073)	1,565,377,561
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,809,898,821,262	1,897,595,144,179

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại - USD	759,976.07	44,466.66
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

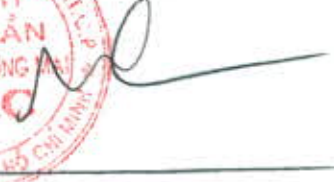
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Đỗ Doãn Thành Công
Người lập biểu



Nguyễn Bình Trọng
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 10 năm 2012

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		5,421,588,981,342	5,509,027,649,344
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		6,008,911,797	3,167,737,764
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.13	5,415,580,069,545	5,505,859,911,580
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14	5,333,852,856,663	5,402,301,975,539
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81,727,212,882	103,557,936,041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	59,183,975,723	53,845,455,700
7. Chi phí tài chính	22	VI.16	44,269,836,896	63,934,334,637
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36,893,118,242	44,379,082,604
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính			1,406,540,227	8,534,047,951
8. Chi phí bán hàng	24	VI.17	19,458,406,660	22,270,898,837
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.18	23,220,731,211	19,971,530,943
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53,962,213,838	51,226,627,324
11. Thu nhập khác	31	VI.19	11,147,424,354	3,323,039,396
12. Chi phí khác	32	VI.20	701,893,950	22,612,908
13. Lợi nhuận khác	40		10,445,530,404	3,300,426,488
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64,407,744,242	54,527,053,812
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21	5,480,440,450	4,736,300,897
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		58,927,303,792	49,790,752,915

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Đỗ Doãn Thành Công
 Người lập biểu



Nguyễn Bình Trọng
 Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 10 năm 2012

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

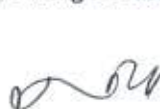
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>64,407,744,242</i>	<i>54,527,053,812</i>
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4,246,593,832	3,349,733,538
Các khoản dự phòng	03	7,053,168,142	8,483,917,499
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1,685,706,884	(1,677,814,087)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(49,992,456,263)	(45,118,701,621)
Chi phí lãi vay	06	36,893,118,242	44,379,082,604
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>64,293,875,079</i>	<i>63,943,271,745</i>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	33,242,316,446	67,269,314,395
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	28,669,996,741	255,765,885,779
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(88,190,561,852)	9,302,458,799
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	123,934,272	71,094,948
Tiền lãi vay đã trả	13	(36,893,118,242)	(43,183,854,608)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6,401,506,103)	(4,872,624,896)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	144,486,177,136	3,653,968,568
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,969,208,608)	(16,661,528,351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	137,361,904,869	335,287,986,379
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(10,980,288,484)	(4,361,276,539)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	20,000,000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(582,627,898,822)	(43,921,765,215)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	425,129,977,393	213,658,360,539
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(71,446,291,392)	(5,353,636,302)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4,964,718,279	45,600,045,854
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49,992,456,263	45,118,701,621
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(184,967,326,763)	250,760,429,958
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4,513,618,869,734	1,785,300,542,417
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4,375,422,995,305)	(2,277,096,818,757)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1,057,148,188)	(2,075,702,997)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38,365,139,400)	(26,493,116,920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	98,773,586,841	(520,365,096,257)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	51,168,164,947	65,683,320,080
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	143,157,318,646	81,246,825,679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(99,371,500)	(5,230,707,612)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	194,226,112,093	141,699,438,147

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Đỗ Doãn Thành Công
Người lập biểu



Nguyễn Bình Trọng
Kế toán trưởng





Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 10 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303522206 ngày 05/12/2011.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Hà Nội và chi nhánh Đà Nẵng.

3 Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4 Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/09/2012: 89 người.

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	80.64%	80.64%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50.00%	50.00%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Đã giải thể	35.00%	35.00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xây ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	42 năm (theo thời hạn thuê)
Phần mềm	02 - 03 năm

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty chưa trích lập

10. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

15. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

16. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

17. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

	30/09/2012	01/01/2012
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1,591,054,176	498,908,600
Tiền gửi ngân hàng (*)	161,635,057,917	142,658,410,046
Tiền đang chuyển	31,000,000,000	
Cộng	194,226,112,093	143,157,318,646

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền ngân hàng có gốc ngoại tệ là 759,976.07 USD tương đương 15.806.366.787 đồng.

	30/09/2012	01/01/2012
2. Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	10,881,067,311	12,476,275,919
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2,844,673,362)	(4,346,415,305)
Cộng (*)	8,036,393,949	8,129,860,614

(*) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/09/2012

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
(**) Công ty CP Thép Pomina	171,700	3,976,895,462	(1,745,619,462)	2,231,276,000
Ngân hàng TMCP Công Thương				
(**) Việt Nam	18,936	242,176,373	-	242,176,373
Công ty CP Khoáng sản và Xây				
(**) dựng Bình Dương	152,654	3,053,603,576	-	3,053,603,576
Chứng khoán chưa niêm yết				
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55,000	1,830,000,000	(730,000,000)	1,100,000,000
(**) Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29,714	632,908,200	(127,770,200)	505,138,000
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70,000	725,000,000	-	725,000,000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11,200	420,483,700	(241,283,700)	179,200,000
Cộng		10,881,067,311	(2,844,673,362)	8,036,393,949

(**) Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 560.385.000 đồng và bằng cổ phiếu là 72.730 cổ phiếu.

Tại ngày 30/09/2012, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị tại ngày 31/12/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/09/2012	01/01/2012
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		
Phải thu khách hàng	(3.1) 948,368,224,966	1,057,956,228,546
Trả trước cho người bán	(3.2) 22,469,050,599	14,727,574,916
Phải thu nội bộ ngắn hạn (phải thu các chi nhánh)	644,530,364	1,019,503,169
Phải thu khác	(3.3) 110,404,766,739	47,815,489,618
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.4) (5,355,464,147)	(1,519,596,056)
Cộng	1,076,531,108,521	1,119,999,200,193
(3.1) Bao gồm:	30/09/2012	01/01/2012
- Phải thu thương mại	(*) 456,996,958,675	447,042,905,043
- Phải thu chi nhánh Đà Nẵng	7,520,888,161	24,168,976,614
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.2)	483,850,378,130	586,744,346,889
Cộng	948,368,224,966	1,057,956,228,546
(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 3,845,634.49 USD tương đương 80.096.875.193 đồng.		
(3.2) Bao gồm:	30/09/2012	01/01/2012
- Trả trước thương mại	306,064,069	2,599,048,416
- Trả trước đến Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	12,062,986,530	2,028,526,500
- Trả trước tiền mua cổ phiếu	10,100,000,000	10,100,000,000
- Trả trước đến các bên liên quan (Thuyết minh số VII.2)	-	-
Cộng	22,469,050,599	14,727,574,916
(3.3) Bao gồm:	30/09/2012	01/01/2012
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ	263,552,986	184,587,896
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.2)	110,139,677,094	47,604,831,667
- Các khoản phải thu khác	1,536,659	26,070,055
Cộng	110,404,766,739	47,815,489,618
(3.4) Biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:		
Số dư đầu năm		(1,519,596,056)
Trích lập dự phòng trong kỳ		(3,835,868,091)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ do nhận thanh toán		-
Số dư cuối kỳ		(5,355,464,147)
4. Hàng tồn kho	30/09/2012	01/01/2012
Hàng hoá	61,489,912,598	90,159,909,339
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,810,759,824)	-
Cộng	59,679,152,774	90,159,909,339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/09/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	123,934,272
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15,976,835,422	9,586,928,287
Tài sản ngắn hạn khác	(*) 7,238,621,094	150,784,069,430
Cộng	23,215,456,516	160,494,931,989

(*) Bao gồm:	30/09/2012	01/01/2012
- Các khoản tạm ứng	125,150,000	188,060,000
- Đặt cọc mua ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	45,708,408,458
- Ký quỹ mua hàng hoá - VND	2,531,311,094	3,927,349,248
- Ký quỹ mua hàng hoá (220,000.00 USD)	4,582,160,000	100,960,251,724
Cộng	7,238,621,094	150,784,069,430

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26,324,680,901	186,929,800	8,436,389,631	13,468,075,312	48,416,075,644
Tăng	-	-	8,339,422,728	41,300,000	8,380,722,728
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	26,324,680,901	186,929,800	16,775,812,359	13,509,375,312	56,796,798,372
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2,351,194,000	136,945,010	5,878,882,601	6,103,384,632	14,470,406,243
Tăng	1,025,234,514	889,383	1,051,616,946	2,071,869,667	4,149,610,510
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3,376,428,514	137,834,393	6,930,499,547	8,175,254,299	18,620,016,753
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	23,973,486,901	49,984,790	2,557,507,030	7,364,690,680	33,945,669,401
Số dư cuối kỳ	22,948,252,387	49,095,407	9,845,312,812	5,334,121,013	38,176,781,619

Tài sản cố định hữu hình tăng trong 9 tháng đầu năm 2012 do mua mới.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.986.105.950 đồng.

Tại ngày 30/09/2012, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 15.600.881.785 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại thuyết minh số V.11.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	37,332,567,430	342,393,816	37,674,961,246
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(*) 37,332,567,430	342,393,816	37,674,961,246
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	321,280,000	229,570,160	550,850,160
Tăng	45,190,917	51,792,405	96,983,322
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	366,470,917	281,362,565	647,833,482
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	37,011,287,430	112,823,656	37,124,111,086
Số dư cuối kỳ	36,966,096,513	61,031,251	37,027,127,764

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 33.607.900.000 đồng; quyền sử dụng đất vô thời hạn tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trị giá 1.374.739.810 đồng (đang làm thủ tục chuyển quyền sở hữu mang tên Công ty); và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng.

Nguyên giá phần mềm máy vi tính cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 158.738.816 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay là 33.607.900.000 đồng như được trình bày tại thuyết minh V.11.1.

8. Xây dựng cơ bản dở dang		30/09/2012	01/01/2012
Chi phí liên quan đến việc lắp đặt phần mềm ERP		7,731,745,945	5,154,067,854
Chi phí mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại Công ty TNHH Thép SMC		2,034,424,327	2,012,536,662
Cộng		9,766,170,272	7,166,604,516
9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		30/09/2012	01/01/2012
Đầu tư vào công ty con	(9.1)	265,584,000,000	235,584,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(9.1)	43,390,000,000	1,750,000,000
Đầu tư dài hạn khác	(9.2)	79,428,608,421	81,396,618,092
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(9.2)	(29,576,371,544)	(26,668,089,374)
Cộng		358,826,236,877	292,062,528,718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(9.1) bao gồm:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến 30/09/2012
Công ty con			
(*) - Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	100.00%	100.00%	100,000,000,000
(*) - Công ty TNHH Thép SMC	100.00%	100.00%	60,000,000,000
(*) - Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	100.00%	100.00%	30,000,000,000
(*) - Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	100.00%	100.00%	30,000,000,000
(*) - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	100.00%	100.00%	20,000,000,000
Công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty CP SMC Hà Nội	80.64%	80.64%	25,584,000,000
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	50.00%	50.00%	41,640,000,000
- Công ty CP SX TM Vật tư Sao Việt (**)	35.00%	35.00%	1,750,000,000
Cộng			308,974,000,000

(*) Trong 9 tháng đầu năm 2012, Công ty đã nhận được lợi nhuận được chia từ các công ty này bằng tiền là 39.181.229.525 đồng.

(**) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (công ty liên kết) đã nhận được Giấy xác nhận số 069/CT-TTDL ngày 04/01/2012 về việc hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo này, các bên liên quan chưa đạt được thoả thuận về việc hoàn lại giá trị đầu tư nên Công ty chưa ghi nhận giảm khoản đầu tư nêu trên (dự kiến vấn đề này sẽ tiếp tục được xử lý trong 3 tháng cuối năm 2012).

(9.2) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/09/2012

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết				
(*) Công ty CP Thép Pomina	1,200,000	28,099,960,344	(12,499,960,344)	15,600,000,000
Ngân hàng TMCP Công Thương				
(*) Việt Nam	200,000	2,557,840,877	-	2,557,840,877
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM				
(*) Công ty CP Thép Biên Hòa	473,170	12,175,807,200	(8,011,911,200)	4,163,896,000
(*) Công ty CP Thép Nhà Bè	115,000	2,720,000,000	(2,064,500,000)	655,500,000
Chứng khoán chưa niêm yết				
(*) Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450,000	9,875,000,000	-	9,875,000,000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1,400,000	14,000,000,000	(7,000,000,000)	7,000,000,000
Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Nam				
(**) Long	1,000	10,000,000,000	-	10,000,000,000
Cộng		79,428,608,421	(29,576,371,544)	49,852,236,877

(*) Trong 9 tháng đầu năm 2012, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 3.891.327.860 đồng và bằng cổ phiếu là 59.200 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày 30/09/2012, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên nên số dư khoản dự phòng của các chứng khoán này được ghi nhận theo xét đoán của Ban Giám đốc.

(**) Đầu tư mua 1.000 trái phiếu không chuyển đổi của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (mệnh giá 10.000.000 đồng / trái phiếu) với giá mua là 10.000.000 đồng / trái phiếu; kỳ hạn: 2 năm (từ 15/7/2011 đến 15/7/2013); lãi suất: năm đầu tiên: 27%/năm, năm sau: 5% + trung bình cộng lãi tiền gửi kỳ hạn 6 tháng của 4 ngân hàng. Trong 9 tháng đầu năm 2012, Công ty đã nhận được lãi trái phiếu là 2.700.000.000 đồng.

		30/09/2012	01/01/2012
10. Tài sản dài hạn khác			
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease		-	940,728,800
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam		3,005,084,668	3,005,084,668
Cộng		3,005,084,668	3,945,813,468
11. Nợ ngắn hạn			
Vay và nợ ngắn hạn	(11.1)	698,266,344,709	546,070,792,133
Phải trả người bán	(11.2)	470,842,198,613	715,252,480,611
Người mua trả tiền trước	(11.3)	85,142,050,600	90,847,569,026
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(11.4)	2,531,769,751	5,959,950,236
Phải trả người lao động		1,519,420,000	1,592,800,000
Chi phí phải trả (chi phí lãi vay)		-	2,071,213,829
Các khoản phải trả khác	(11.5)	2,928,805,961	2,423,694,860
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9,344,684,681	5,219,173,375
Cộng		1,270,575,274,315	1,369,437,674,070
(11.1) bao gồm:		30/09/2012	01/01/2012
<i>Vay ngắn hạn bằng VND</i>			
- Ngân hàng TMHH MTV ANZ Việt Nam		-	182,400,000,000
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)		-	59,300,000,000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		-	50,000,000,000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		-	27,800,000,000
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	(a)	-	39,000,000,000
- Các cá nhân	(g)	36,820,000,000	27,694,566,000
<i>Vay ngắn hạn bằng USD</i>			
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(b)	272,230,010,417	54,779,517,018
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	(c)	39,675,045,875	78,419,197,878
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	(d)	82,804,206,608	25,620,363,049
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	(e)	116,100,241,238	
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (VN)	(f)	150,636,840,571	
<i>Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn</i>		-	1,057,148,188
Cộng		698,266,344,709	546,070,792,133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo thoả thuận tín dụng thương mại số HCM/2011/025/TTTT ngày 26/9/2011 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng; thời hạn vay: 1 tháng; lãi suất: 10 %/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2012 là 0 đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo thư đề nghị cung cấp tiện ích số VNM07120631 giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty và Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ngày 26/4/2012 với tổng hạn mức là 280 tỷ đồng, thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2012 là 13,057,546.24 USD tương đương 272.230.010.417 đồng.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0272/KH/11NH ngày 22/12/2011 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng; thời hạn vay: 6 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2012 là 1,900,601.00 USD tương đương 39.675.045.875 đồng.

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 12.122061/HỆTDHM ngày 28/04/2012 với hạn mức tín dụng là 800 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 3 đến 6 tháng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất là nhà phố sẽ hình thành trong tương lai tại địa chỉ số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ước tính là 50.498.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2012 là 3,966,668.58 USD tương đương 82.804.206.608 đồng.

(e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) theo thư đề nghị cung cấp tiện ích giữa Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty và Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) ngày 01/12/2011 với tổng hạn mức là 10.000.000 USD (Mười triệu dola Mỹ), thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2012 là 5,568,855.00 USD tương đương 116.100.241.238 đồng.

(f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng số BFL/12-11 ngày 05/04/2012 với hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD (Mười lăm triệu dola Mỹ). Thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2012 là 7,217,403.08 USD tương đương 150.636.840.571 đồng.

(g) Các khoản vay cá nhân được thực hiện theo từng biên bản thoả thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 1,1 %/tháng, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

(11.2) Bao gồm:	30/09/2012	01/01/2012
- Phải trả các bên liên quan (thuyết minh số VII.2)	18,598,106,623	9,691,785,322
- Các khoản người mua trả trước thương mại	452,244,091,990	705,560,695,289
Cộng	470,842,198,613	715,252,480,611

Trong đó, bao gồm các khoản phải trả có gốc ngoại tệ là 1,097,438.80 USD tương đương 22.903.547.756 đồng.

(11.3) Bao gồm:	30/09/2012	01/01/2012
- Các bên liên quan trả trước (thuyết minh số VII.2)	10,899,969,033	6,492,476,382
- Doanh thu chưa thực hiện	59,893,634,200	
- Các khoản người mua trả trước thương mại	14,348,447,367	84,355,092,644
Cộng	85,142,050,600	90,847,569,026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/09/2012	01/01/2012
(11.4) Bao gồm:		
- Thuế giá trị gia tăng	-	2,390,611,765
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,348,174,102	3,269,239,755
- Thuế thu nhập cá nhân	183,595,649	300,098,716
Cộng	2,531,769,751	5,959,950,236
(11.5) Bao gồm:		
- Kinh phí công đoàn	612,960,342	287,777,510
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	1,150,000,000	1,120,000,000
- Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	-	702,821,350
- Các khoản phải trả khác	1,165,845,619	313,096,000
Cộng	2,928,805,961	2,423,694,860

12. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	01/01/2012	Tăng	Giảm	30/09/2012
Vốn đầu tư chủ sở hữu (a)	295,183,610,000	-	-	295,183,610,000
Thặng dư vốn cổ phần	153,531,767,160	-	-	153,531,767,160
Cổ phiếu quỹ (b)	(142,489,800)	-	-	(142,489,800)
Quỹ đầu tư phát triển	65,997,808,961	9,705,171,250	-	75,702,980,211
Quỹ dự phòng tài chính	11,861,832,312	3,555,958,822	-	15,417,791,134
Lợi nhuận chưa phân phối	1,565,377,561	58,927,303,792	61,009,163,426	(516,482,073)
Cộng	527,997,906,194	72,188,433,864	61,009,163,426	539,177,176,632

(a) Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 ngày 05/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

	30/09/2012	01/01/2012
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29,518,361	24,600,105
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29,518,361	24,600,105
- Cổ phiếu thường	29,518,361	24,600,105
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6,718)	(6,718)
- Cổ phiếu thường	(6,718)	(6,718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29,511,643	24,593,387
- Cổ phiếu thường	29,511,643	24,593,387
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(b) Tính đến 30/09/2012, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lợi nhuận sử dụng phân phối năm 2011		(35,650,471,465)
- Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2012		1,565,377,561
- Điều chỉnh thuế TNDN hạch toán sai so với tờ khai các năm 2007, 2008, 2009		(2,704,795,130)
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2011		(3,555,958,822)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2011		(9,705,171,250)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2011		(6,304,098,824)
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đợt 2/2011		(190,000,000)
- Trả cổ tức (đợt cuối) năm 2011 bằng tiền	(*)	(14,755,825,000)
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		35,133,989,392
- Lợi nhuận sau thuế phát sinh 9 tháng đầu năm 2012	(**)	58,927,303,792
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đợt 1/2012		(184,000,000)
- Trả cổ tức (đợt 1) năm 2012 bằng tiền	(***)	(23,609,314,400)
Lợi nhuận lũy kế đến 30/09/2012		(516,482,073)

(*) Ngày 11 tháng 01 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất thông qua việc chia cổ tức đợt 2 năm 2011 bằng tiền là 5% trên mệnh giá theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 11/01/2012.

(**) Trong đó, bao gồm khoản lợi nhuận năm 2011 của các công ty con là **39.181.229.525 đồng**, điều về sử dụng phân phối cho năm 2011, theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2012.

(***) Ngày 29 tháng 06 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất thông qua việc chia cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền là 8% trên mệnh giá theo Nghị quyết số 171/NQ-HĐQT ngày 29/06/2012.

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
13. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	5,420,634,125,342	5,508,528,779,344
Doanh thu cung cấp dịch vụ	954,856,000	498,870,000
Hàng bán bị trả lại	(6,008,911,797)	(3,167,737,764)
Cộng	5,415,580,069,545	5,505,859,911,580
14. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn thép các loại xuất bán trong kỳ	5,332,042,096,839	5,402,301,975,539
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,810,759,824	-
Cộng	5,333,852,856,663	5,402,301,975,539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
15. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	4,674,584,051	9,495,387,220
Lãi ký quỹ	334,809,827	218,379,096
Điều chuyển lợi nhuận năm 2011 từ các Công ty TV	39,181,229,525	30,070,004,921
Ứng/hỗ trợ vốn Công ty Con	4,082,012,689	-
Chênh lệch tỷ giá	3,204,381,035	7,077,144,423
Bán chứng khoán	1,905,125,736	1,433,050,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,801,832,860	5,551,490,040
Cộng	59,183,975,723	53,845,455,700
	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
16. Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi vay	33,193,064,242	43,065,263,063
Lãi vay huy động vốn nội bộ	3,700,054,000	1,200,258,000
Dự phòng đầu tư tài chính	1,406,540,227	8,534,047,951
Bán chứng khoán	2,019,326,015	1,501,270,352
Chênh lệch tỷ giá	3,950,852,412	9,538,198,048
Khác		95,297,223
Cộng	44,269,836,896	63,934,334,637
	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
17. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	5,065,081,761	4,514,213,881
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	57,278,910
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,033,324,900	1,264,745,282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,616,560,059	14,097,455,469
Chi phí bằng tiền khác	743,439,940	2,337,205,295
Cộng	19,458,406,660	22,270,898,837
	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6,893,606,747	6,119,329,149
Chi phí dụng cụ văn phòng	83,714,454	145,777,957
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,213,268,932	2,165,231,336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,041,230,429	9,265,851,935
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	3,835,868,091	(48,626,539)
Chi phí bằng tiền khác	2,153,042,558	2,323,967,105
Cộng	23,220,731,211	19,971,530,943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
19. Thu nhập khác		
Thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	20,000,000
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	460,750,000	159,350,000
Thu lãi sử dụng vốn	-	600,000,000
Thu từ bồi thường	556,518,053	-
Xử lý hàng hoá thừa kiểm kê	586,776,494	-
Thu lãi quá hạn	9,512,761,773	2,263,809,122
Điều chỉnh năm trước	10,618,034	
Thu nhập khác	20,000,000	279,880,274
Cộng	11,147,424,354	3,323,039,396
	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
20. Chi phí khác		
Xử lý hàng hóa thiếu kiểm kê	237,883,722	-
Chi phí khác	464,010,228	22,612,908
Cộng	701,893,950	22,612,908
	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
21. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64,407,744,242	54,527,053,812
Chi phí không được trừ	15,733,007	18,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	21,644,737
Cộng lãi chi nhánh phát sinh 9 tháng đầu năm 2012	1,040,519,617	-
Cộng chi phí dự phòng đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường năm 2012	7,000,000,000	-
Cộng chi phí dự phòng phải thu khó đòi 9 tháng đầu năm 2012	3,835,868,091	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(44,983,062,385)	(35,621,494,961)
Thu nhập tính thuế	31,316,802,572	18,945,203,588
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7,829,200,643	4,736,300,897
Giảm 30% theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012	2,348,760,193	
Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	5,480,440,450	4,736,300,897
	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011
22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83,714,454	203,056,867
Chi phí nhân công	11,958,688,508	10,633,543,030
Chi phí khấu hao	4,246,593,832	3,429,976,618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19,657,790,488	23,363,307,404
Chi phí khác bằng tiền	6,732,350,589	4,612,545,861
Cộng	42,679,137,871	42,242,429,780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính


Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan


Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Phải thu	14,462,964,412
		Phải thu khác	77,143,752,834
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	Công ty con	Phải thu	197,237,280,565
		Phải thu khác	2,948,837,334
Công ty TNHH MTV Kinh doanh thép SMC	Công ty con	Phải thu	92,136,105,260
		Phải thu khác	18,547,086,926
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Phải thu	171,092,096,736
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Người mua trả trước	(10,899,969,033)
		Phải thu	2,268,847,020
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	Công ty con	Phải thu khác	11,500,000,000
		Phải trả người bán	(18,598,106,623)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên	Phải thu	6,653,084,137
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	Công ty liên kết	Phải trả khác	(1,150,000,000)


 Đỗ Doãn Thành Công
 Người lập biểu


 Nguyễn Bình Trọng
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 10 năm 2012